

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của thi hành án dân sự	8
1.1.1. Khái niệm chung về thi hành án	8
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của thi hành án dân sự	10
1.1.3. Ý nghĩa	14
1.2. Những quy định cơ bản về thi hành án dân sự trong pháp luật hiện hành	16
1.2.1. Tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án	16
1.2.2. Những quy định cơ bản về thủ tục thi hành án	17
1.2.3. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án	26
1.2.4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án	28
1.3. Một số nét khái quát về thi hành án dân sự ở Việt Nam	32
1.3.1. Thời kỳ từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1993	32
1.3.2. Thời kỳ 1993-2004 và hiện nay	34
1.3.2.1. Thời kỳ từ khi ban hành Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 đến trước khi có Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004	34
1.3.2.2. Thời kỳ từ khi ban hành Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 đến nay	35
1.4. Pháp luật về thi hành án dân sự của một số nước trên thế giới	38
1.4.1. Tổ chức bộ máy và quy chế chấp hành viên thi hành án	38
1.4.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án, chấp hành viên	40
1.4.3. Quyền tự định đoạt của đương sự trong quá trình thi hành án	41
1.4.4. Về thời hiệu thi hành án	42
1.4.5. Về thủ tục và biện pháp cưỡng chế thi hành án	42
Chương 2: THỰC TIỄN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở TỈNH THÁI BÌNH	45
2.1. Về đặc điểm tự nhiên - xã hội và một số nét khái quát về công tác tư pháp ở Thái Bình	45
2.1.1. Về đặc điểm tự nhiên - xã hội	45
2.1.2. Về một số nét khái quát của công tác tư pháp ở Thái Bình	47
2.2. Về tổ chức bộ máy các cơ quan thi hành án dân sự ở Thái Bình	49
2.3. Cơ chế thực hiện	52
2.3.1. Trường hợp thỏa thuận thi hành án	52
2.3.2. Trường hợp thi hành án theo yêu cầu	53
2.4. Một số vụ điển hình và nguyên nhân của những vướng mắc đặt ra	56
2.4.1. Một số vụ điển hình	56
2.4.2. Nguyên nhân của những vướng mắc	71
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THÁO GỖ ÁN TỒN ĐỘNG TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở THÁI BÌNH	76
3.1. Tính đòi hỏi khách quan của những giải pháp	76
3.2. Một số giải pháp cụ thể	78
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thi hành án là giai đoạn tiếp nối cuối cùng của quá trình tố tụng, nếu những phán quyết của Tòa án không được đưa ra thi hành thì các giai đoạn trước đó của quá trình tố tụng không có ý nghĩa trên thực tế.

Trong những năm qua, mặc dù chúng ta đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả nhất định, nhưng hiệu quả của công tác thi hành án vẫn còn là vấn đề phải bàn luận nhiều. Trong thi hành án dân sự, số án tồn đọng vẫn còn nhiều, theo thống kê, năm 2009 trong số 270.925 việc còn phải thi hành thì có hơn 188 ngàn chưa có điều kiện, với tổng số tiền phải thi hành là 17.199 tỷ 843 triệu đồng.

Riêng đối với tỉnh Thái Bình, công tác thi hành án dân sự cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2010 (tính từ ngày 01/10/2009 đến ngày 30/9/2010) số việc có điều kiện thi hành, đã thi hành xong 3.040 việc /3.320 việc, đạt 90%. Tổng số tiền và giá trị hiện vật đã thu được 12.006.576.000đ, đạt (82%), các kết quả thi hành án cả về việc và tiền đều đạt và vượt so với chỉ tiêu do Bộ Tư pháp đặt ra. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, có thể nói vị trí, vai trò của công tác thi hành án nói chung và thi hành án dân sự nói riêng ở Việt Nam vẫn chưa thực sự được quan tâm đầy đủ, dẫn đến hiệu quả hoạt động của các Cơ quan thi hành án dân sự chưa cao, án dân sự còn tồn đọng nhiều, án xếp vào diện không có điều kiện thi hành chiếm tỉ lệ lớn (ở Thái Bình chiếm 43%), nhiều vụ việc kéo dài đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm đòi hỏi phải có giải pháp tháo gỡ những ách tắc trong hoạt động thi hành án dân sự.

Từ những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài "*Thực tiễn thi hành án dân sự ở tỉnh Thái Bình*" làm luận văn tốt nghiệp, góp phần đánh giá được thực trạng và tìm ra nguyên nhân dẫn đến án tồn đọng để từ đó đưa ra được một số giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Vấn đề án tồn đọng hiện nay đang được Đảng, Nhà nước và nhiều nhà khoa học quan tâm, đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài báo viết về công tác thi hành án dân sự với những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thi hành án ở Việt Nam.

Để góp phần nhỏ bé nghiên cứu, đề xuất tìm ra giải pháp giảm thiểu án tồn đọng hiện nay đề tài sẽ tiến hành nghiên cứu thực tiễn thi hành án dân sự ở một địa phương cụ thể để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra được một số giải pháp nhằm hạn chế án tồn đọng.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đề tài tập trung làm rõ thực tiễn công tác thi hành án dân sự ở Thái Bình, trên cơ sở đó, đưa ra một số giải pháp nhằm tháo gỡ tình trạng án tồn đọng, đảm bảo mọi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án phải được đưa ra thi hành.

- Để đạt được mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

- + Nghiên cứu một cách có hệ thống một số vấn đề lý luận về thi hành án dân sự.
- + Phân tích những vụ việc điển hình và những vướng mắc đặt ra khi thực hiện quá trình thi hành án.
- + Đề xuất những giải pháp nhằm tháo gỡ tình trạng án tồn đọng hiện nay.

- Đối tượng nghiên cứu: Các quy định về thi hành án dân sự trong pháp luật hiện hành và thực tiễn công tác thi hành án dân sự ở Thái Bình hiện nay.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về thi hành án và thực tiễn thi hành án dân sự ở tỉnh Thái Bình, trên cơ sở đó kiến nghị một số giải pháp nhằm giảm lượng án tồn đọng hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận truyền thống của chủ nghĩa Mác- Lê nin đó là phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp luận duy vật lịch sử. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các phương pháp phương pháp phân tích, tổng hợp, suy đoán...

5. Kết cấu của luận văn

Luận văn ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Một số vấn đề về thi hành án dân sự.

Chương 2: Thực tiễn thi hành án dân sự ở Thái Bình.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của thi hành án dân sự

1.1.1. Khái niệm chung về thi hành án.

Thi hành án là một nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của nhà nước, vừa có những đặc tính phổ biến của một dạng hoạt động nhà nước, vừa có những đặc trưng riêng:

Thứ nhất: Thi hành án là giai đoạn kế tiếp sau giai đoạn xét xử.

Thứ hai: Thi hành án là hoạt động có tính chấp hành nhưng là chấp hành phán quyết của cơ quan xét xử.

Thứ ba: Hoạt động thi hành án bên cạnh việc sử dụng phương pháp giáo dục, thuyết phục còn sử dụng các phương pháp điều chỉnh của hoạt động hành chính như phương pháp mệnh lệnh, bắt buộc thi hành.

Từ những phân tích trên có thể hiểu *thi hành án là hoạt động hành chính - tư pháp mang tính quyền lực nhà nước, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo một trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm thực hiện trên thực tế các phán quyết của Tòa án theo bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật.*

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của thi hành án dân sự

Hiện nay trong các văn bản pháp lý về thi hành án vẫn chưa có điều luật nào khái niệm cụ thể về thi hành án dân sự. Chính vì vậy cũng phát sinh những ý kiến khác nhau về tính chất đặc trưng của thi hành án dân sự:

Có ý kiến cho rằng "thi hành án dân sự là tổng hợp các hành vi tổ tụng thực hiện bản án, quyết định dân sự của Tòa án theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định". Theo ý kiến này, thì có thể coi đây là một giai đoạn kết thúc quá trình tổ tụng dân sự.

Có ý kiến lại cho rằng: Thi hành án là tổ tụng hành chính vì các cơ quan thực hiện việc thi hành án thuộc Chính phủ không phải thuộc tòa án, việc giải quyết khiếu nại, kháng nghị trong thi hành án đã khác hẳn về hình thức, thủ tục so với việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị trong tổ tụng dân sự.

Nhưng trên cơ sở bản chất của hoạt động thi hành án dân sự là hoạt động mang tính chất tư pháp đặt dưới sự chỉ đạo, tổ chức và quản lý của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước cho thấy:

Thứ nhất, cơ sở của hoạt động thi hành án là các bản án, quyết định dân sự của Tòa án; các cơ quan tham gia vào quá trình thi hành án chủ yếu là cơ quan tư pháp (theo nghĩa rộng).

Thứ hai, thi hành án và giai đoạn tổ tụng trước đó có mối quan hệ với nhau. Nếu một bản án, quyết định được Tòa án tuyên một cách công bằng, thấu tình, đạt lý, thì việc thi hành án sẽ dễ dàng, nhanh chóng và ngược lại.

Xuất phát từ sự phân tích trên, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn công tác thi hành án dân sự có thể khái niệm mang tính bao quát: *thi hành án dân sự là hoạt động hành chính - tư pháp, là giai đoạn cuối cùng của quá trình tổ tụng do các cơ quan thuộc hệ thống hành pháp quản lý và thực hiện nhằm thi hành trên thực tế các bản án, quyết định về dân sự của Tòa án thực có hiệu lực pháp luật.*

Từ khái niệm trên, có thể thấy thi hành án dân sự có những đặc điểm sau:

- Thi hành án dân sự là hoạt động mang tính tài sản. Bản chất của các quan hệ dân sự là quan hệ mang tính tài sản chính vì thế mà quá trình thi hành án dân sự cũng mang tính tài sản.

- Thi hành án dân sự là hoạt động mang tính định đoạt: Xuất phát từ quyền tự định đoạt của các chủ thể trong luật dân sự. Chủ thể có quyền được yêu cầu chủ thể khác thực hiện những hành vi nhất định hoặc không thực hiện những hành vi nhất định để đáp ứng lợi ích.

- Thi hành án dân sự còn là hoạt động mang tính thỏa thuận: Pháp luật công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của người thi hành án và người phải thi hành án về việc chấp hành quyết định của Tòa án, nếu sự thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

- Thi hành án dân sự là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước nhằm bảo đảm hiệu lực thực tế của các bản án, quyết định của Tòa án, được sử dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động thi hành án dân sự phải tuân thủ những trình tự, thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định.

- Trong quá trình thi hành án dân sự chấp hành viên, cán bộ thi hành án độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

1.1.3. Ý nghĩa

Bản án, quyết định của Tòa án chỉ thực sự có giá trị khi được thi hành trên thực tế nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Thông qua thi hành án, các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật phải chấm dứt các hành vi đó.

Thi hành án còn có ý nghĩa giúp cho việc phát hiện những khiếm khuyết của các quy định của pháp luật trên cơ sở đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật. Qua thi hành án có thể kiểm tra lại quá trình xét xử trước đó để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xét xử.

Thi hành án có tác dụng quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, tạo niềm tin của nhân dân vào tính nghiêm minh của pháp luật và sức mạnh của nhà nước ngày càng được củng cố vững chắc.

1.2. Những quy định cơ bản về thi hành án dân sự trong pháp luật hiện hành

1.2.1. Tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án

Vấn đề tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án dân sự hiện nay được quy định một cách đầy đủ, toàn diện và cụ thể trong văn bản pháp lý có hiệu lực cao đó là Luật thi hành án dân sự (Điều 13). Ngoài ra còn được quy định chi tiết trong một số các văn bản khác như nghị định, thông tư, quyết định...

1.2.2. Những quy định cơ bản về thủ tục thi hành án

Được quy định khá đầy đủ, chặt chẽ từ Điều 26 đến Điều 65 Luật thi hành án dân sự năm 2008, Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự và một số văn bản khác như: Hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự và thời hiệu yêu cầu thi hành án; thủ tục gửi và nhận đơn yêu cầu thi hành án; ra quyết định, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án, gửi quyết định và thông báo về thi hành án; xác minh điều kiện thi hành án; biện pháp bảo đảm thi hành án; thứ tự thanh toán tiền thi hành án; hoãn thi hành án, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án, trả đơn yêu cầu thi hành án, kết thúc thi hành án và xác nhận kết quả thi hành án; ủy thác thi hành án; miễn giảm nghĩa vụ thi hành án và bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án...

1.2.3. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án

Các biện pháp cưỡng chế thi hành án bao gồm 6 loại sau: Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kê cả tài sản đang do người thứ ba giữ. Khai thác tài sản của người phải thi hành án Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

1.2.4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án

Luật thi hành án dân sự quy định cụ thể về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự từ điều 140 đến điều 159, đặc biệt là vấn đề thời hiệu, thời hạn, thẩm quyền giải quyết, quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, người bị khiếu nại, tố cáo của cơ quan có thẩm quyền...

1.3. Một số nét khái quát về thi hành án dân sự ở Việt Nam

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 hoạt động thi hành án hình thành cùng với hoạt động xét xử. Dưới chế độ phong kiến hoạt động thi hành án dân sự chủ yếu do tổ chức thừa phát lại thực hiện.

1.3.1. Thời kỳ từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1993

- Giai đoạn từ 1945-1950: Chế định Thừa phát lại được duy trì, Ban công lại thực hiện nhiệm vụ quản lý tổ chức Thừa phát lại. Sắc lệnh số 13 ngày 20/11/1946 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa về tổ chức các Tòa án và các ngạch thẩm phán đã đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho tổ chức Thi hành án dân sự Việt Nam, việc thi hành án do Ban Tư pháp xã thực hiện.

- Giai đoạn từ 1950-1980: Việc thi hành án dân sự do Thừa phát lại và Ban Tư pháp xã thực hiện trước đây được thay thế bằng thẩm phán huyện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chánh án. Tòa án chủ động thi hành án dân sự mà không chờ yêu cầu của người được thi hành án.

Ngày 13/10/1972, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ra Quyết định số 186/TC về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên. Tên gọi "Chấp hành viên" ra đời.

- Giai đoạn 1981-1990: Theo Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 thì Bộ Tư pháp quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức, bao gồm cả việc quản lý công tác thi hành án dân sự.

Ngày 28/8/1989, Pháp lệnh thi hành án dân sự lần đầu tiên được ban hành, đặt cơ sở pháp lý cho việc tăng cường, hoàn thiện tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự. Trên cơ sở đó, quy chế Chấp hành viên cũng được ban hành kèm theo Nghị định số 68/HĐBT ngày 6/3/1990.

- Giai đoạn 1990-1993: Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX ngày 6/10/1992 đã thông qua Nghị quyết về việc *bàn giao công tác thi hành án từ Tòa án nhân dân các cấp sang các cơ quan của Chính phủ* "chậm nhất vào tháng 6/1993". Pháp lệnh thi hành án dân sự 1993, thay thế Pháp lệnh thi hành án dân sự 1989 đưa công tác thi hành án dân sự sang một giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

1.3.2. Thời kỳ 1993-2004 và hiện nay.

1.3.2.1. Thời kỳ từ năm 1993 đến trước khi có Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004

Trên cơ sở Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993, các cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự, các cơ quan thi hành án dân sự được hình thành từ Trung ương đến địa phương trong phạm vi cả nước.

Cục quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; Phòng quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng; Sở Tư pháp cấp tỉnh; Phòng Tư pháp cấp huyện.

Về cơ quan thi hành án dân sự gồm có: Phòng thi hành án thuộc Sở Tư pháp cấp tỉnh; Phòng thi hành án quân khu và cấp tương đương; Đội thi hành án thuộc Phòng Tư pháp cấp huyện.

1.3.2.2. Thời kỳ từ khi ban hành Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 đến nay

Vì vậy, ngày 14/01/2004 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh thi hành án dân sự sửa đổi thay thế Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993.

Các cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự vẫn bao gồm: Cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp

Các Cơ quan thi hành án dân sự: Phòng Thi hành án đổi tên thành cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; Đội thi hành án đổi tên thành cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện và cơ quan thi hành án trong quân đội.

Theo đó, các cơ quan thi hành án không còn là một phòng, đội trực thuộc Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp như trước đây mà có tư cách độc lập nhất định. Việc quy định thành lập các đơn vị trực thuộc trong cơ quan thi hành án cấp tỉnh cũng như quy định chức danh thẩm tra viên tại các cơ quan thi hành án dân sự...đã góp phần hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan thi hành án.

Ngày 14/11/2008, Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ tư đã thông qua Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2009.

Để thi hành Luật thi hành án dân sự Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4. Pháp luật về thi hành án dân sự của một số nước trên thế giới

1.4.1. Tổ chức bộ máy và quy chế chấp hành viên thi hành án

- Tại Cộng hòa Pháp: Mô hình tổ chức chủ yếu theo quy chế Thừa phát lại. Tư cách Thừa phát lại rất linh hoạt, họ vừa là viên chức tư pháp, viên chức công quyền, hỗ trợ viên tư pháp vừa là một nghề tự do, có tư cách hoạt động độc lập.

- Tại Trung Quốc: Cả thi hành án dân sự và thi hành án hình sự ở Trung Quốc đều do Bộ Tư pháp thống nhất quản lý, việc thi hành án dân sự vẫn do Tòa án thực hiện, các chấp hành viên là công chức đặt tại Tòa án.

- Tại Ấn Độ: Thi hành án dân sự được thực hiện bởi Thẩm phán. Chánh án Tòa án cấp quận, huyện có thể trao lệnh cho Thừa phát lại bắt người phải thi hành án để tạm giam.

- Tại Lào: Công tác Thi hành án dân sự thuộc về Phòng Thi hành án hoặc Đội thi hành án đều trực thuộc Vụ Thi hành, Bộ Tư pháp Lào. Cán bộ thi hành án là viên chức do Nhà nước trả lương.

1.4.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án, chấp hành viên

Nhìn chung pháp luật các nước đều trao cho chấp hành viên những quyền hạn khá lớn để có thể thực thi nhiệm vụ.

1.4.3. Quyền tự định đoạt của đương sự trong quá trình thi hành án

Ở hầu hết các nước đều ghi nhận nguyên tắc tự định đoạt của đương sự, thể hiện ở quy định của pháp luật về quyền yêu cầu thi hành án. Quyền tự định đoạt còn được thể hiện ở việc pháp luật ghi nhận nguyên tắc cam kết thỏa thuận giữa các bên đương sự.

1.4.4. Về thời hiệu thi hành án

Pháp luật nhiều nước đều có quy định thời hiệu thi hành án với những thời gian không giống nhau, nhưng nhìn

chung là khá dài so với pháp luật về thi hành án dân sự của Việt Nam.

1.4.5. Về thủ tục và biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Cưỡng chế là biện pháp chỉ thực hiện khi các đương sự không tự nguyện thi hành án, do đó các nước có những quy định cụ thể, chặt chẽ về trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế.

Chương 2

THỰC TIỄN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở TỈNH THÁI BÌNH.

2.1. Về đặc điểm tự nhiên - xã hội và một số nét khái quát về công tác tư pháp ở Thái Bình

2.1.1. Về đặc điểm tự nhiên - xã hội

Thái Bình là một tỉnh ven biển thuộc lưu vực sông Hồng, có khí hậu nhiệt đới, ẩm, gió mùa. Đất đai Thái Bình được hình thành chủ yếu do sự bồi tụ phù sa của hai con sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình cùng với công cuộc khai hoang, lấn biển, khẩn hoang của nhiều thế hệ cư dân.

Do đặc điểm trên, nền kinh tế Thái Bình chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, bờ biển dài 54 km là lợi thế trong việc phát triển đánh bắt cá, nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, Thái Bình còn nổi tiếng với các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, dệt chiếu, đúc đồng, chạm bạc...

Dân số Thái Bình phân bố chủ yếu là khu vực nông thôn, ở khu vực thành thị rất thấp, tốc độ đô thị hóa chậm.

Dân cư thuần nông nên về cơ bản là chất phác, dễ quản lý, nhưng lại nghèo nàn, lạc hậu, thường đi ra tỉnh ngoài làm việc nên cũng khó khăn cho việc thi hành án.

2.1.2. Về một số nét khái quát của công tác tư pháp ở Thái Bình

Trong năm vừa qua hoạt động xét xử có bước chuyển biến mạnh mẽ và đạt được những thành tích đáng khích lệ, số vụ có kháng cáo, kháng nghị giảm. Tỷ lệ giải quyết các loại án đều đạt và vượt chỉ tiêu, không có án để kéo dài quá hạn luật định.

Với chức năng giúp Ủy ban nhân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thi hành án trên địa bàn, Sở Tư pháp luôn quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thi hành án. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự, công tác tổ chức cán bộ thi hành án dân sự cũng được Sở Tư pháp đặc biệt quan tâm. Tuy cơ quan thi hành án đã tách ra tương đối độc lập, nhưng Sở Tư pháp vẫn luôn có trách nhiệm trong việc đề xuất, nhận xét, đánh giá bổ nhiệm cán bộ; lãnh đạo Sở là thành viên tích cực trong Ban chỉ đạo thi hành án...

Tất cả những điều kiện trên đã ít nhiều có tác động tới hiệu quả công tác thi hành án dân sự ở Thái Bình.

2.2. Về tổ chức bộ máy các cơ quan thi hành án dân sự ở Thái Bình

Cùng với sự phát triển chung của cả nước, tổ chức bộ máy thi hành án dân sự Thái Bình cũng có quá trình phát triển qua từng thời kỳ theo quy định của pháp luật. Đến nay bộ máy các cơ quan thi hành án dân sự đã được kiện toàn. Số lượng biên chế được phân bổ phù hợp với đủ các chức danh từ Trưởng, Phó đến các chức danh khác.

Luật Thi hành án được ban hành và có hiệu lực từ 01/7/2009, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh đổi tên thành Cục thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án 8 huyện, thành phố đổi tên thành Chi Cục thi hành án với tổng số 101 cán bộ công chức trong đó: 9 chấp hành viên tỉnh, 42 chấp hành viên huyện, 6 thẩm tra viên, 11 kế toán và các chức danh khác.

2.3. Cơ chế thực hiện

2.3.1. Trường hợp thỏa thuận thi hành án

Thực tiễn thi hành án dân sự ở Thái Bình tính từ khi Luật thi hành án Dân sự có hiệu lực thì các trường hợp thỏa thuận thi hành án đều tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật, kết quả thi hành án được công nhận, chấp hành viên luôn làm đúng chức trách, nhiệm vụ của mình, hướng dẫn cho đương sự thực hiện việc thỏa thuận, chứng kiến việc thỏa thuận và ra văn bản công nhận việc thỏa thuận. Việc thỏa thuận thi hành án chủ yếu là án về hôn nhân gia đình, về cấp dưỡng nuôi con...

2.3.2. Trường hợp thi hành án theo yêu cầu

Yêu cầu thi hành án là quyền cơ bản của người dân trong quá trình thi hành án được nhà nước đảm bảo. Đó là quyền yêu cầu nhà nước đảm bảo, tổ chức thi hành bản án, quyết định đã được Tòa án nhân dân nhà nước tuyên xử nhằm khôi phục, bảo vệ các quyền, lợi ích bị vi phạm.

Hầu hết các vụ việc thi hành án ở Thái Bình đều thực hiện theo yêu cầu (trừ các trường hợp quy định tại Điều 36 của Luật thi hành án Dân sự) và thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định. Tuy nhiên, qua 1

năm thực hiện việc thi hành án theo yêu cầu có một số bất cập, khó khăn xảy ra chủ yếu do quy định của pháp luật như quy định về đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án khi nộp đơn yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc khả năng (hoàn cảnh kinh tế...) của người phải thi hành án và thông tin này phải được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là một quy định rất khó thực hiện ngay cả đối với chấp hành viên bởi người phải thi hành án nhiều khi ở cách xa người được thi hành án, việc nắm bắt được có những tài sản gì là rất khó khăn, mặt khác việc xin xác nhận của địa phương nơi người phải thi hành án cư trú cũng không phải dễ...

Quy định về xác minh điều kiện thi hành án tại Điều 44 Luật thi hành án dân sự, chấp hành viên có nghĩa vụ xác minh điều kiện thi hành án khi người được thi hành án đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà không thể tự xác minh được và có yêu cầu xác minh. Trong trường hợp người được thi hành án là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất và tinh thần thì thiết nghĩ các cơ quan thi hành án cần chấp nhận yêu cầu xác minh của họ mà không nên buộc họ phải ghi rõ các biện pháp đã áp dụng nhưng không có kết quả kèm theo tài liệu chứng minh.

Có thể nói, việc thi hành án theo yêu cầu của đương sự ở Thái Bình được thực hiện một cách bài bản, đầy đủ thủ tục, trình tự theo quy định.

2.4. Một số vụ điển hình và nguyên nhân của những vướng mắc đặt ra

2.4.1. Một số vụ điển hình

- Về ý thức chấp hành của đương sự:

+ Bà Lan và ông Việt chung sống với nhau từ năm 1991 đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 2 con chung. Khi mâu thuẫn phát sinh, bà Lan gửi đơn xin ly hôn, ông Việt đồng ý. Bản án số 35/HNST ngày 12/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ xử cho 2 người được ly hôn, ông Việt có trách nhiệm giao lại cho bà Lan 102.180.000đ, ông Việt được quyền sử dụng 12.134m² đất theo biên bản đo đạc ngày 18/7/2006.

Bản án có hiệu lực, bà Lan làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 05/11/2007 cơ quan thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ra quyết định thi hành án. Tuy nhiên, đến nay bản án vẫn không thi hành được vì theo bà Lan thì ông Việt có tài sản nhưng cố tình không thi hành.

Kết quả xác minh của Chấp hành viên cho thấy, ông Việt chỉ có phần đất được chia sau ly hôn và đã đồng ý bán cho bà Phạm Thanh Bình để lấy tiền thi hành án, cơ quan thi hành án huyện Quỳnh Phụ đã lập biên bản thỏa thuận thi hành án vào ngày 24/4/2008 với nội dung bà Bình nộp một số vàng để thi hành án thay cho ông Việt. Hiện ông Việt không có ở địa phương, cơ quan thi hành án đã mời bà Lan đến nhận nhưng bà Lan không đến với lý do: "Theo biên bản thỏa thuận thi hành án ngày 24/4/2008 do bà Bình không thực hiện đúng theo thỏa thuận mua bán đất, nên tôi không nhận số vàng do bà Bình nộp thay cho ông Việt".

Thiết nghĩ đây không phải là vụ việc phức tạp nhưng lại để kéo dài. Trong trường hợp này, chấp hành viên nên giải thích, hướng dẫn để bà Lan nhận số vàng mà bà Bình nộp thay cho ông Việt, nếu còn thiếu thì yêu cầu ông Việt thi hành tiếp, nếu ông Việt còn đất mà cố tình không thi hành thì bà Lan có thể yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành các thủ tục kê biên, định giá và phát mãi tài sản để thi hành án.

+ Gia đình bà Cúc xây bể nước đè lên móng nhà ông Xưởng ở cùng xã Thanh Tân, Kiến Xương, Thái Bình gây lún nứt phải tháo dỡ tầng 2 mất 4.000.000 đồng, ông Xưởng khởi kiện và Tòa tuyên xử yêu cầu bà Cúc phải bồi thường và làm đường thoát nước cho ông Xưởng, nhưng bà Cúc lại lấy lý do già yếu không có tiền, phải sống nhờ con cháu, không có điều kiện thi hành án và cho rằng nhà ông Xưởng bị lún, nứt là do xây không đúng kỹ thuật. Chấp hành viên phải tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của bà Cúc, phải đi lại nhiều lần giải thích, thuyết phục đến nay mới thi hành xong.

- Thi hành án gặp khó khăn do nội dung bản án, quyết định tuyên không rõ hoặc không phù hợp với thực tế:

+ Trường hợp ông Mạc Văn Nho khởi kiện bà Phạm Thị Tơ cùng ở Nam Cường, Tiền Hải, Thái Bình vay ông 38.000.000 đồng không kỳ hạn, lãi suất 2% tháng theo 29 giấy biên nhận, ông Nho chỉ yêu cầu trả tiền gốc. Ngày 04/10/2007 Tòa án huyện Tiền Hải tuyên buộc bà Tơ phải trả 38.000.000 nhưng đến nay chưa thi hành được do ông Nho yêu cầu phải trả cả tiền lãi do chậm thi hành án

Như vậy, nếu Tòa án tuyên "kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án" thì việc thi hành án sẽ không gặp vướng mắc, khó khăn như vậy.

+ Trường hợp tranh chấp mua bán căn nhà số 36 đường Lê Lợi, thành phố Thái Bình giữa bà Nguyễn Thị Thắm và bà Hoàng Mai Chi được TAND tỉnh Thái Bình xử phúc thẩm với nội dung: "Tuyên bố việc mua bán căn nhà số 36 đường Lê Lợi giữa bà Thắm và bà Chi là hợp pháp; bà Chi phải giao lại căn nhà số 36 cho bà Thắm trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm". Thế nhưng đã gần 7 năm mà bà Thắm vẫn chưa được thi hành án. Lý do ở đây là do bản án không tuyên diện tích nhà và diện tích khuôn viên đất là bao nhiêu, đến nay, căn nhà cũ không còn, bà Chi đã xây dựng căn nhà mới. Do vậy, không có cơ sở để xác định diện tích căn nhà phải thi hành án. Trong khi đó, bà Thắm yêu cầu được thi hành hết phần đất trong khuôn viên đất do bà Chi hiện đang quản lý và đã có xây dựng thêm một số căn nhà khác.

+ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đối với ông Trần Phương và bà Vũ Thanh Vân có hai con chung 1 sinh năm 1988, 1 sinh năm 1998

Đã qua 5 năm như vẫn không thể tổ chức thi hành án vì theo quyết định, ông Phương là người phải thi hành án với nội dung: "...ông Trần Phương được tạm thời quản lý và sử dụng một căn nhà, 500m² đất (thổ cư, vườn) tại xã Hồng Minh, Hưng Hà. Khi các con trưởng thành (18 tuổi) ông Phương phải giao toàn bộ tài sản mà ông đang quản lý, sử dụng lại cho các con được quyền sở hữu...". Vướng mắc ở đây chính là do Tòa án khi công nhận sự thỏa thuận giữa vợ chồng ông Phương về tài sản không hướng dẫn rõ về quyền yêu cầu thi hành án, thời gian yêu cầu thi hành án...Do vậy, khi người con lớn của ông Phương đến tuổi trưởng thành thì người con thứ hai vẫn còn nhỏ chưa đủ tuổi để yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra còn có một vài bản án của Tòa án nhân dân tuyên không rõ, tính thuyết phục chưa cao, khó thi hành, cơ quan thi hành án dân sự không ra Công văn yêu cầu giải thích cứ thi hành dẫn đến kéo dài (như Quyết định số 28 ngày 01/12/2000 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Dũng ở Trung An - với chị Vũ Thị Hoa ở Song An. Về con cái: "*Giao Nguyễn Thị Quyên sinh 10/1991 cho chị Hoa nuôi dạy, anh Dũng đóng góp nuôi con mỗi tháng 50.000đ kể từ tháng 10/2000 cho đến khi con đi xây dựng gia đình*". Vấn đề ở đây là đến khi nào? ở tuổi nào? thì cháu Quyên đi xây dựng gia đình (*lấy chồng*) anh Dũng vẫn phải góp tiền nuôi con.

Để thi hành được những bản án tuyên thiếu cụ thể, các cơ quan thi hành án phải yêu cầu tòa án đã tuyên giải thích những điểm chưa rõ, chưa cụ thể. Quyền hạn, trách nhiệm yêu cầu, kiến nghị và nghĩa vụ của tòa án, những người có thẩm quyền trong việc giải thích, xem xét lại bản án, quyết định của tòa án được quy định tại điều 179 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và Khoản 1, Điều 1 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự.

- Thi hành án gặp khó khăn do việc ủy thác thi hành án:

Theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ủy thác thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều vụ án đương sự chỉ sinh quán ở tỉnh Thái Bình nhưng hiện trú quán, sinh sống, làm ăn và có tài sản ở những tỉnh khác, song khi phạm tội, phải thi hành án, cơ quan thi hành án ở các tỉnh khác vẫn ủy thác về đề nghị cơ quan thi hành án ở Thái Bình thi hành.

- Vướng mắc, bất cập về thi hành án giao con.

Thi hành án giao con là loại việc hết sức phức tạp và cũng rất nhạy cảm, bởi đối tượng thi hành án ở đây không phải là tiền hay tài sản mà là con người. Tuy nhiên, pháp luật về thi hành án dân sự hiện nay lại chưa có những quy định cụ thể nên trong quá trình tổ chức thi hành án, các cơ quan thi hành án đã gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Cụ thể: Theo quyết định của bản án số 03/2008/HNGĐ-ST ngày 13/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, Thái Bình xử cho bà Trần Thị Minh được ly hôn ông Nguyễn Văn Bình. Ông Bình phải giao cháu Nguyễn Thúy Mai (sinh năm 2003) cho bà Minh chăm sóc nuôi dưỡng. Án có hiệu lực, ông Bình liên lạc với bà Minh để giao con nhưng bà Minh không chịu nhận vì bà Minh đang chuẩn bị đi làm ăn ở xa.

Ngày 11/6/2008 ông Bình làm đơn yêu cầu thi hành án. Chấp hành viên đã nhiều lần gửi giấy báo nhưng bà Minh vẫn không đến. Chấp hành viên tiến hành xác minh ở địa phương nhưng bà Minh hiện nay đã đi làm ăn, sinh sống ở nơi khác.

Theo quy định tại mục 10 của Công văn 404/TP-THA ngày 24/2/2005 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn một số vấn đề nghiệp vụ thi hành án mới chỉ có hướng dẫn xử lý khoản tiền, tài sản người phải thi hành án tự nguyện nộp nhưng người được thi hành án không nhận, còn trường hợp người phải thi hành án tự nguyện giao con mà người được thi hành án không nhận thì chưa có hướng dẫn nên xử lý như thế nào?

- Vương mắc trong việc thu phí thi hành án: Theo Điều 3 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án phải nộp phí thi hành án đối với tất cả các khoản tiền, tài sản khi nhận được, tuy nhiên thực tế thi hành án ở Thái Bình khi áp dụng quy định này vẫn còn những vướng mắc nhất định.

Bản án số 30/2008/DSST ngày 20/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà tuyên buộc bà Nguyễn Thị Lan phải trả cho bà Trần Thị Huyền số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất nợ quá hạn tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Qua xác minh, tài sản của bà Lan chỉ còn duy nhất một căn nhà và nền đất gắn liền căn nhà là có giá trị thi hành án. Tuy nhiên, tài sản này bà Lan đã thế chấp cho chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hưng Hà để vay số tiền là 50.000.000 đồng từ tháng 7/2007. Chi cục Thi hành án huyện Hưng Hà yêu cầu chi nhánh ngân hàng khởi kiện bà Lan nhưng chi nhánh ngân hàng không thực hiện. Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, định giá và phát mãi tài sản thu được số tiền 450.000.000 đồng vào ngày 24/9/2009.

Căn cứ các quy định của pháp luật, cơ quan thi hành án đã chi trả cho chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất tương ứng, chi trả cho bà Huyền 100.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án tương ứng, đồng thời ra quyết định thu phí thi hành án đối với bà Huyền số tiền 3.257.000 đồng.

Theo khoản 5, Điều 34 Nghị định 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự năm về thủ tục thi hành án dân sự thì chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hưng Hà không phải nộp phí thi hành án.

Như vậy, dù không phải làm đơn yêu cầu thi hành án, nhưng ngân hàng lại hưởng lợi mà không phải thực hiện bất kỳ một nghĩa vụ nào. Còn bà Huyền phải nộp phí thi hành án trong khi cả hai người cùng thu được nợ từ bà Lan.

Pháp luật cần quy định đối với trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận được tiền, tài sản thông qua quá trình thi hành án thì họ phải nộp phí thi hành án nhằm tạo nên sự bình đẳng trước pháp luật và nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Ngoài ra còn một số sai phạm từ phía chấp hành viên như việc ra quyết định thi hành án không đúng với bản án. Một số biên bản chấp hành viên, cán bộ thi hành án tiến hành xác minh ghi không đầy đủ, nội dung xác minh còn sơ sài, chủ yếu vẫn thiên về xác minh tại trụ sở UBND xã qua cán bộ lãnh đạo xã. Có trường hợp xác minh lần thứ nhất đương sự có đất ở, đất vườn, ao, lần thứ hai xác minh không có tài sản gì trong khi đó không có biên bản xác minh đã chuyển nhượng số đất trên... những sai phạm, thiếu sót từ phía chấp hành viên tuy hậu quả không lớn nhưng phần nào đã ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành án, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật.

2.4.2. Nguyên nhân của những vướng mắc

Thứ nhất, do điều kiện sống ảnh hưởng đến quá trình thi hành án: đời sống dân sinh ở Thái Bình chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, kinh tế còn khó khăn số người đi xa khỏi địa phương để tìm việc làm bươn chải ngày càng nhiều, có một số là ngư dân, thường xuyên đi biển dài ngày việc quản lý các đối tượng về trật tự an toàn xã hội là một vấn đề hết sức phức tạp.

Thứ hai, từ phía các đương sự trong quá trình thi hành án. Người phải thi hành án cố tình chây ỳ mặc dù họ có tài sản, có điều kiện thi hành án; người phải thi hành án bỏ trốn khỏi địa phương, do bị cáo đang phải thi hành án phạt tù, không có tài sản để thi hành. Do các đương sự đã bị kê biên, phát mãi đến nay không còn tài sản.

Thứ ba, số việc có từ 500.000đ trở xuống chuyển giao cho UBND cấp xã, thị trấn trực tiếp đôn đốc thi hành án nhưng chưa thực sự có trách nhiệm dẫn đến kết quả không cao, chủ yếu chỉ do 1 cán bộ tư pháp thực hiện.

Thứ tư, việc xét miễn giảm án phí, việc phối hợp giữa các cơ quan về xét miễn giảm thi hành án theo Thông tư 02/2005/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA-BTC về hướng dẫn việc miễn, giảm thi hành án ngày 17/6/2005 còn chậm.

Thứ năm, do nguyên nhân từ phía cán bộ, chấp hành viên: Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các chấp hành viên, cán bộ thi hành án trong thi hành nhiệm vụ, chấp hành viên chưa tích cực, chưa yên tâm công tác, năng lực, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế.

Thứ sáu, trách nhiệm phối hợp trong thi hành án còn hạn chế, chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thi hành án. Việc phối hợp trong khi thực hiện cưỡng chế thi hành án còn chưa tốt, chưa phát huy hết trách nhiệm của bộ máy chính quyền các cấp ở địa phương.

Thứ bảy nhiều trường hợp án tuyên không rõ ràng, không sát với thực nhưng cơ quan thi hành án không yêu cầu giải thích hoặc yêu cầu giải thích chậm, tòa án có thực hiện giải thích nhưng giải thích không rõ, không kịp thời. Việc chuyển giao bản án từ tòa án sang thi hành án còn chậm...

Ngoài những nguyên nhân trên còn có nguyên nhân quan trọng là vướng mắc về cơ chế như các cơ quan có thẩm quyền không thực hiện việc kê biên tài sản đến khi thi hành án tài sản đã bị tẩu tán. Bên cạnh đó, chế tài xử lý người không chấp hành bản án theo điều 305 Bộ luật Hình sự cũng không khả thi, chế độ ưu đãi đối với cán bộ thi hành án không có (trừ chấp hành viên, thẩm tra viên...).

Qua phân tích một số vụ điển hình mặc dù nội dung không phải là quá phức tạp nhưng vẫn khó thi hành dứt điểm được. Nguyên nhân án tồn đọng qua nghiên cứu và phân tích ở Thái Bình cho thấy đây cũng là nguyên nhân chung của tình trạng án tồn đọng hiện nay.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THÁO GỖ VIỆC TỒN DỌNG TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở THÁI BÌNH

3.1. Tính đòi hỏi khách quan của những giải pháp

Việc cải cách hành chính, cải cách tư pháp đang là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản với mục tiêu, nhiệm vụ mang tính chiến lược là xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, công bằng, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện được mục tiêu đó thì việc tìm ra các giải pháp khắc phục tình trạng nhiều bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật nhưng chậm được thi hành là cần thiết.

Mặt khác, việc tìm ra các giải pháp để tháo gỡ án tồn đọng trong công thi hành án dân sự nói chung, công tác thi hành án dân sự ở Thái Bình nói riêng còn là một yêu cầu của quá trình hội nhập. Khi tham gia các tổ chức quốc tế, các hiệp định thương mại thì hệ thống pháp luật của Việt Nam cũng phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp quốc tế. Do đó, trong lĩnh vực thi hành án dân sự cũng đòi hỏi phải có những giải pháp mới, có hiệu quả để giải quyết án tồn đọng.

Bên cạnh đó, việc giải quyết được tình trạng án tồn đọng sẽ góp phần thiết thực vào việc duy trì và giữ vững kỷ cương pháp nước, xây dựng nhà nước pháp quyền, bảo vệ tài sản của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

3.2. Một số giải pháp cụ thể.

- Về mặt pháp luật:

+ Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều trong Bộ luật hình sự đảm bảo đủ sức răn đe người phải chấp hành án dân sự, tăng cường các biện pháp cưỡng chế đủ sức mạnh để buộc các đương sự phải chấp hành bản án.

+ Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA-BTC của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Bộ Tài chính ngày 17/6/2005 hướng dẫn việc miễn, giảm thi hành án đối với khoản tiền phạt, án phí theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xét miễn giảm. Nên có các quy định giao thẩm quyền cho trường thi hành án các địa phương, hoặc chủ tịch UBND cấp xã khi làm thủ tục xét miễn giảm đối với một số án cụ thể. Cần phải phân biệt và chỉ rõ các đối tượng phạm tội cụ thể, đối tượng phạm tội nào được miễn, giảm..

+ Đối với Luật thi hành án dân sự năm 2008:

Thứ nhất, đề nghị bỏ điểm đ, khoản 1 Điều 31. Điều 31 quy định rất rõ về việc nộp đơn yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên tại điểm đ, khoản 1 của điều luật lại quy định: người được thi hành án khi nộp đơn yêu cầu phải cung cấp thông tin khả năng về tài sản hoặc điều kiện của người phải thi hành án và thông tin này phải được chính quyền địa phương xác nhận. Quy định này rất khó áp dụng trên thực tế bởi người được thi hành án và người phải thi hành án có thể ở những địa phương khác nhau. Bên cạnh đó, sau khi xác minh, việc nhờ chính quyền địa phương nơi bên phải thi hành án cư trú để xác nhận đóng dấu cũng không phải dễ. Mặt khác, thông tin do người được thi hành án cung cấp không mang tính chính xác cao chấp hành viên nhiều khi vẫn phải tiến hành xác minh lại nếu muốn tiến hành áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Chính vì thế quy định này là một thủ tục bất hợp lý.

Thứ hai, đề nghị quy định cụ thể tại Điều 38 Luật thi hành án dân sự về thời gian gửi quyết định thi hành án cho Viện kiểm sát vì Điều 38 không quy định cụ thể thời hạn bao nhiêu ngày phải gửi. Nhiều trường hợp quyết định của cơ quan thi hành án để đến 15 - 20 ngày mới gửi cho Viện kiểm sát, gây khó khăn cho việc kiểm sát việc thụ lý án của cơ quan thi hành án. Vì theo Điều 160 Luật thi hành án dân sự quy định thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, việc gửi quyết định thi hành án chậm sẽ không đủ thời gian kiểm sát và thực hiện quyền kháng nghị khi quyết định đó có vi phạm.

Thứ ba, đề nghị nghiên cứu bổ sung điểm a khoản 1 Điều 51 trường hợp trả đơn yêu cầu thi hành án khi người phải thi hành án không có tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản đó theo quy định của pháp luật không được xử lý để thi hành án. Bởi vì, về mặt nhận thức, xuất phát từ bản chất của quan hệ dân sự là quyền tự định đoạt, tự do lựa chọn của chủ thể, nên họ cũng phải chấp nhận những rủi ro nhất định khi tham gia các quan hệ này. Trên tinh thần đó, cần nghiên cứu bổ sung quy định theo hướng: đối với các khoản không có điều kiện thi hành án về tài sản thì cần có cơ chế vận động người được thi hành án miễn hoặc xóa nợ cho bên phải thi hành án.

Thứ tư, đối với vấn đề phí thi hành án quy định tại Điều 60. Điều luật này chỉ quy định người được thi hành án phải nộp phí thi hành án, chưa bảo đảm hết các nguồn thu cho nhà nước. Đề nghị nên quy định cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận được tiền, tài sản thông qua quá trình thi hành án thì phải nộp phí thi hành án dù những người này có làm đơn yêu cầu thi hành án hay không, nhưng cơ quan thi hành án đã tổ chức thi hành bản án mà trong đó họ được hưởng quyền và lợi ích thì họ phải nộp phí thi hành án.

Thứ năm, cần có Điều luật quy định cụ thể về cưỡng chế buộc người được giao nuôi dưỡng người chưa thành niên nhận nuôi người chưa thành niên theo bản án, quyết định, quy định thêm nghĩa vụ của người phải thi hành án trong trường hợp này. Hiện nay Luật thi hành án Dân sự chỉ mới quy định tại Điều 120 là "cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định" mà chưa có điều luật quy định người được giao nuôi dưỡng không chịu nhận nuôi.

+ Đề nghị bỏ quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự "Người được thi hành án có yêu cầu chấp hành viên xác minh điều kiện thi hành án phải trả các chi phí thực tế, hợp lý cho việc xác minh" Quy định này chưa hợp lý vì chấp hành viên là công chức được nhà nước trả lương, phụ cấp nghề, phụ cấp thâm niên... để làm công tác thi hành án, nay lại được hưởng thêm chi phí từ người được thi hành án trong khi người được thi hành án đã phải trả phí thi hành án.

+ Đề nghị có điều luật quy định về chế tài đối với các cơ quan có thẩm quyền không thực hiện việc phối hợp với cơ quan thi hành án (như Công an, Kho bạc, Ngân hàng, tổ chức tín dụng, Ủy ban nhà ở xã hội...) trong hoạt động thi hành án nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan để giải quyết án tồn đọng. Quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan thi hành án cấp trên trong việc cho ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ thi hành án, tránh tình trạng chậm trễ kéo dài.

+ Văn bản áp dụng trong công tác thi hành án phải đảm bảo thống nhất.

- Về cơ chế thực hiện:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương là tiền đề quan trọng đảm bảo cho việc thi hành án có hiệu quả.

Thứ hai, về mặt tổ chức cán bộ: Kiện toàn đội ngũ chấp hành viên, hạn chế tuyển dụng hệ tại chức, hệ mở rộng, tuyển dụng cán bộ trẻ, khỏe, có trình độ Đại học Luật, ưu tiên tuyển nam. Mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ có năng lực, có đủ trình độ phẩm chất đạo đức, dám làm, dám chịu trách nhiệm để kiến nghị, đề xuất bổ nhiệm chấp hành viên khi đủ điều kiện, bổ nhiệm lãnh đạo cơ quan thi hành án để họ đảm đương thực hiện công việc.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi hành án, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về văn bản pháp luật đặc biệt trong điều kiện mở rộng hội nhập quốc tế và khu vực hiện nay. Có chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cho cán bộ, nhất là cán bộ nữ đi học tập, nâng cao trình độ, có chính sách đào tạo nguồn cán bộ tại chỗ và thu hút những người có trình độ về công tác tại các cơ quan thi hành án cấp huyện, xa trung tâm thành phố. Đào tạo, bồi dưỡng khả năng áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, điều hành công việc.

Xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp chấp hành viên, những người làm công tác thi hành án áp dụng thống nhất trong toàn tỉnh.

Thứ ba, cần nghiên cứu cơ chế công khai hóa danh sách người phải thi hành án có điều kiện về tài sản, thu nhập nhưng không tự nguyện thi hành án, có biểu hiện chây ỳ, trốn tránh thi hành án tại những nơi công cộng hoặc trên một số phương tiện thông tin đại chúng nhằm tác động về mặt tinh thần, danh dự để họ tự giác thi hành án. Đối với trường hợp người phải thi hành án là cơ quan, doanh nghiệp có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án thì cần áp dụng các biện pháp kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó.

Thứ tư, sự phối kết hợp của các cấp, các ngành.

Tăng cường sự phối hợp trong thi hành án nhất là trong việc thực hiện cưỡng chế giữa các cơ quan như công an, cảnh sát, thi hành án. Đẩy mạnh sự hợp tác, phối hợp hoạt động, trao đổi kinh nghiệm giữa của các cơ quan thi hành án dân sự trong tỉnh.

Các cơ quan có thẩm quyền phải nghiêm chỉnh chấp hành và áp dụng đúng các quy định của pháp luật, trong quá trình điều tra, xét xử, khi cần thiết phải áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phải có sự phối kết hợp trong việc khấu trừ, phong tỏa tài khoản tại các ngân hàng, kho bạc...phải xây dựng được quy chế phối hợp cụ thể giữa các cơ quan thi hành án với các phòng, ban và đơn vị liên quan cùng cấp trong lĩnh vực thi hành án.

Cần tăng cường vai trò của Ủy ban nhân dân các cấp, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án. Thiết lập, duy trì quan hệ giữa cơ quan thi hành án với chính quyền cấp cơ sở.

Thứ năm, cần nâng cao chất lượng xét xử: Chất lượng các bản án của Tòa án phải có khả năng thi hành trong thực tế. Ngành Tòa án cần hạn chế một bản án phải qua nhiều cấp xét xử. Cần có quy định của pháp luật đối với thẩm phán, cán bộ tòa án, chấp hành viên, cán bộ thi hành án. .

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với Bộ Tư pháp tiến hành rà soát, thống kê những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật tuyên không rõ hoặc khó thi hành, để kịp thời sửa chữa, bổ sung hoặc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Tòa án nhân dân tối cao cần chỉ đạo chấn chỉnh và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động xét xử. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong thi hành án dân sự.

Thứ sáu, tăng cường tuyên truyền pháp luật về thi hành án rộng rãi đối với nhân dân. Bên cạnh đó, cần tích cực điều tra, xác minh, phân loại án có biện pháp xử lý kịp thời, kiên quyết xử lý những người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không chấp hành bản án.

Thứ bảy, đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa công tác thi hành án: Từng bước xã hội hóa công tác thi hành án là một chủ trương được đề ra trong Nghị quyết số 48-NQ/TW Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Có thể nói, trong điều kiện hiện nay, khi mà tỷ lệ án tồn đọng nhiều, lực lượng cán bộ, chấp hành viên mỏng, chỉ làm việc giờ hành chính thì việc thực hiện mô hình thừa phát lại là lựa chọn cần thiết bởi thừa phát lại có thể đi xác minh điều kiện thi hành án, lập vi bằng...không chỉ trong giờ hành chính mà cả ngoài giờ, ngày nghỉ... Cần đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác thi hành án, không chỉ thực hiện thí điểm ở Thành phố Hồ Chí Minh như hiện nay mà lên sớm nhân rộng ra các tỉnh, thành khác.

Trong điều kiện hiện nay khi nhà nước ta đang chủ trương cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền, thực hiện việc hội nhập kinh tế, quốc tế, khi thực tiễn thi hành án còn gặp nhiều khó khăn, tỉ lệ án tồn đọng vẫn cao thì việc đưa ra được những giải pháp hạn chế án tồn đọng là một việc làm cần thiết mang tính khách quan.

KẾT LUẬN

Công cuộc đổi mới của đất nước ta đang bước sang một giai đoạn mới có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu hướng tới một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cải cách hoạt động tư pháp là một trong những nội dung của quá trình đổi mới đồng thời cũng là đòi hỏi đối với năng lực quản lý nhà nước trong việc đảm bảo cho các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh.

Thi hành án dân sự là một trong những hoạt động của Nhà nước, là một nội dung trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Thi hành án dân sự là một khâu quan trọng nhằm đưa các bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án ra thi hành trong đời sống xã hội. Tổ chức thi hành án tốt sẽ góp phần thiết thực vào việc duy trì, giữ vững kỷ cương phép nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và Nhà nước, bảo đảm các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được thi hành trong thực tế. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác thi hành

án, ngay từ khi mới thành lập nước, Nhà nước ta đã quan tâm đến công tác này. Sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, cùng với việc thiết lập hệ thống các cơ quan tư pháp, Bộ Tư pháp và tổ chức thi hành án dân sự cũng được hình thành. Cùng với sự phát triển đi lên của đất nước qua các thời kỳ, tổ chức thi hành án dân sự ở nước ta đã không ngừng được kiện toàn, hoàn thiện và phát triển.

Qua nghiên cứu thực tiễn công tác thi hành án dân sự ở Thái Bình tác giả nhận thấy: nhận thức được đúng đắn những quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là điều kiện quan trọng để áp dụng đúng đắn trong quá trình thi hành án, sẽ giảm thiểu được án tồn đọng do áp dụng sai các quy định của pháp luật. Đồng thời, khi nghiên cứu thực tiễn thi hành án ở một địa phương, đơn vị cụ thể, tìm hiểu được nguyên nhân của việc án tồn đọng hiện nay và đưa ra được những giải pháp nhằm hạn chế được tỷ lệ án tồn đọng là rất cần thiết và là một yêu cầu khách quan. Những giải pháp mà tác giả luận văn đưa ra có thể chưa được toàn diện, nhưng có ý nghĩa cả về lý luận cũng như thực tiễn.